

## Những vấn đề ở nông thôn Hàn Quốc và chính sách của chính phủ

SONG JEONG NAM\*

### I. Mở đầu

Trước khi thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất năm 1962, nền kinh tế Hàn Quốc cũng giống như các nước chậm phát triển, đã xảy ra tình trạng thiếu vốn dự trữ, dân số cao, cơ cấu công nghiệp thấp, cơ cấu thị trường không cân đối, năng suất và tỉ lệ sử dụng máy móc kỹ thuật thấp. Nhưng trải qua bao gian nan vất vả, kể từ khi thực hiện cải cách kinh tế cho tới năm 1991, qua 6 kế hoạch 5 năm, Hàn Quốc đã xây dựng được một nền kinh tế khá mạnh. Thu nhập bình quân đầu người một năm từ 81 USD/ người năm 1962 lên tới 10,548 USD/ người vào năm 1996. Giá trị xuất khẩu năm 1962 từ 55 triệu USD lên tới 129 tỉ 715 triệu USD năm 1996.

Dưới đây là ý kiến của giáo sư Song Byung Lak về những nguyên nhân nào đã đưa Hàn Quốc thoát khỏi tình trạng đói nghèo và đạt tới mức độ phát triển kinh tế như trên<sup>1</sup>:

\* Thứ nhất, việc tuyển dụng lớp trí thức đã từng du học ở các nước phát triển hoặc từng làm việc tại các cơ quan nước ngoài.

\* Thứ hai, chính phủ nắm vai trò chủ đạo trong việc quản lý và thực hiện kế hoạch kinh tế. Tuy nhiên, cũng do định hướng phát triển thiên lệch nên vai trò chủ đạo của người dân trong việc quản lý và điều hành kinh tế bị giảm sút.

\* Thứ ba, sự hiếu học của người dân.

\* Thứ tư, sự chăm chỉ và ý thức tiết kiệm của người Hàn Quốc.

\* Thứ năm, trên nền tảng văn hóa nho giáo, mỗi người đều có ý thức trách nhiệm đối với gia đình và xã hội, luôn coi trọng sự tiến bộ và vươn lên.

\* Thứ sáu, vai trò không nhỏ của tâm lý cạnh tranh, chuyên môn hóa...

Với những nguyên nhân trên đây, đằng sau việc mở rộng quy mô kinh tế và tỉ lệ tăng trưởng hàng năm là 8% thì kinh tế Hàn Quốc đã xuất hiện tình trạng đối ngược như: tăng cường tỉ trọng công nghiệp và tính mất cân đối, cơ cấu vốn dự trữ bất hợp lý, giá cả tăng cao như một căn bệnh mãn tính và sự tăng trưởng không ổn định, thu nhập chênh lệch và nguồn cung cấp lao động bị hạn chế. Đứng trước những vấn đề nan giải như vậy, nền kinh tế Hàn Quốc đã từng tăng trưởng liên tục trong những năm qua nhưng nay đang vấp phải tình trạng khủng hoảng kinh tế lớn nhất từ trước tới nay. Đây cũng là xu thế khủng hoảng chung có tính toàn cầu đặc biệt là khủng hoảng tiền tệ xuất phát từ các nước Đông Nam Á vào năm 1997 này. Bên cạnh vấn đề kinh tế, xã hội Hàn Quốc ngày nay đang có sự tương phản, đối chọi giữa hai thế hệ. Một thế hệ đã từng sống dưới thời thực dân Nhật thống trị, đói khổ, nghèo nàn rồi đi qua cuộc chiến tranh Nam - Bắc. Một thế hệ khác vào nửa cuối những năm 1960 chưa từng trải qua năm tháng đó, được sống trong

\* Trường Đại học Ngoại ngữ Seong Shim. Khoa Mậu dịch khu vực Việt Nam (Phu-san, Hàn Quốc).

<sup>1</sup> SONG BYUNG LAK: *Bàn về kinh tế Hàn Quốc*. Nhà xuất bản Park Yungsa-1984. Tr. 71-73.

một cuộc sống đầy đủ. Chúng tôi tạm gọi là "thế hệ cũ", những con người đã sống trong môi trường truyền thống còn thế hệ sau là "thế hệ mới", thế hệ quen với văn hóa Âu Mỹ. Nên văn hóa mới được mệnh danh là văn hóa phương Tây, du nhập, ăn sâu bám rễ vào xã hội Hàn Quốc chưa bao lâu, ngăn ngừi như chính quá trình hiện đại hóa ở Hàn Quốc. Nhưng do nhận thức trước hết cần phải thoát khỏi cảnh đói nghèo, phát triển kinh tế đồng nghĩa với du nhập văn hóa phương Tây nên người Hàn Quốc đã tiếp nhận văn hóa phương Tây một cách không cân nhắc, phân biệt. Và cũng do chính sách suốt 40 năm qua đã xem nhẹ sự bảo tồn và phát triển văn hóa - truyền thống, quá nhấn mạnh đầu tư phát triển kinh tế. Đương nhiên văn hóa cũ sẽ đi vào sau bức màn lịch sử, nhường bước cho những yếu tố văn hóa mới. Nhưng khi chúng ta nói văn hóa là cái được xây dựng trên cơ sở những đặc trưng có tính thời đại, khu vực, môi trường, dân tộc thì rõ ràng nền văn hóa mới cũng phải được phôi thai, hình thành và phát triển trên nền tảng đó.

Sự xung đột giữa hai nền văn hóa khác nhau được thể hiện bằng những hình thái đa dạng trong lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, tôn giáo, giáo dục như chủ nghĩa cá nhân, cạnh tranh quá mức, bất hòa... Những mâu thuẫn xung đột này xảy ra trên một phạm vi rộng, ở trong mỗi cá nhân, gia đình, đoàn thể, nông thôn, thành phố. Đó chính là yếu tố trở ngại cho sự hòa hợp dân tộc, phát triển đất nước.

Trong bài này, chúng tôi sẽ đề cập một cách tổng quát những vấn đề trong xã hội nông thôn Hàn Quốc hiện nay sau quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa đứng trên góc độ văn hóa. Đồng thời, chúng tôi cũng đề cập tới những biện pháp của chính phủ Hàn Quốc được thực hiện liên tục từ trước tới nay nhằm giải quyết vấn đề. Trên cơ sở đó chúng tôi hy vọng bài viết sẽ là một gợi ý với Việt Nam, một nước có lịch sử và văn hóa gần giống Hàn Quốc đồng thời đang là nước nông nghiệp tiến lên công nghiệp hóa, nhằm giảm tới đa những vấn đề mà Hàn Quốc đã và đang vấp phải trong quá trình hướng tới xã hội công nghiệp, hiện đại.

## II. Những vấn đề ở nông thôn Hàn Quốc hiện nay và đối sách

### 1. Lực lượng lao động

Trước hết, trước khi đề cập tới vấn đề này chúng ta hãy xem xét quá trình biến đổi cơ cấu dân số ở nông thôn Hàn Quốc. Một trong những nét nổi bật của hiện tượng di chuyển dân số ở nông thôn từ sau những năm 1960 là nhiều lao động trẻ giữ vị trí quan trọng trong lực lượng lao động ở nông thôn đã rời tới thành phố. Từ năm 1960 tới 1970, thanh niên nông thôn lứa tuổi từ 18 tới 29 chiếm 33% tổng số người từ nông thôn đô thị<sup>2</sup>. Bước vào thập kỷ 80, tỉ lệ này lại càng tăng lên, trong số những người tới thành phố quăng từ năm 1979 tới 1981, lứa tuổi từ 21 tới 30 chiếm tới 38%. Biểu 1 dưới đây dựa theo kết quả điều tra dân số nông thôn năm 1992 của Bộ Nông - Lâm - Thủy sản.

BIỂU 1: Dân số nông thôn phân theo lứa tuổi (nghìn người)

	Tổng số	Từ 14 tuổi trở xuống	Từ 14 tuổi tới 19 tuổi	Từ 20 tuổi tới 49 tuổi	Từ 50 tuổi tới 59 tuổi	Từ 60 tuổi trở lên
Dân số	5.707	1.040	577	1.791	1.062	1.237
Tỉ lệ %	100	18,2	10,1	31,4	18,6	21,7

Tư liệu: Bộ Nông - Lâm - Thủy sản, "Kết quả điều tra dân số khu vực nông - ngư nghiệp năm 1992".

Nhìn vào kết quả điều tra trên đây rõ ràng số dân làm nông nghiệp đã giảm khá nhiều so với trước đây. Hiện tượng này xuất hiện ở tất cả các lứa tuổi: từ 14 tuổi trở xuống năm 1992 chỉ còn 135 nghìn người, từ 20 - 49 là 85 nghìn người, từ 50-59 là 53 nghìn người và từ 60 tuổi trở lên là 8 nghìn người. Nếu tính tổng số dân giảm ở nông thôn là 100% thì lứa tuổi dưới 49 chiếm tới 76,5%, trong đó tỉ lệ người trên 50 tuổi từ 34,5% (1960) lên tới 40,3%. Ngược lại, từ 50 tuổi trở xuống tỉ lệ đã giảm từ 66,5% xuống 59,5%. Với xu thế này có thể nhận thấy hiện tượng số dân từ

<sup>2</sup> HAN KYU SOO: *Tìm hiểu quá trình đô thị hóa ở nước ta* trong cuốn "Bàn về vấn đề dân số". Trang 20.

55 tuổi trở lên đang tăng, cơ cấu lao động có tính quyết định ở nông thôn đã chuyển từ lớp thanh niên sang lớp người cao tuổi.

Hiện tượng lao động nông thôn có xu hướng thiên về lớp người có tuổi làm xuất hiện những yếu tố bất ổn cho tương lai nông thôn và phát triển nông nghiệp ở Hàn Quốc. Trong cuộc điều tra dư luận năm 1992, Bộ Nông - Lâm - Thủy sản đã đưa ra câu hỏi đánh giá như thế nào về mức độ thiếu lực lượng lao động thì 67.7% trả lời là "vô cùng thiếu", 29.2% trả lời "thiếu", và chỉ có 3.1% trả lời "không thiếu". Nếu xét tỉ lệ ứng đáp không phân biệt lứa tuổi, trình độ học vấn của người được hỏi thì 90% trả lời rằng lực lượng lao động ở nông thôn thiếu. Trả lời câu hỏi: làm thế nào để bổ sung vào lực lượng lao động đang thiếu ở nông thôn hiện nay, kết quả điều tra cho thấy 42.5% trả lời: "thuê nhân công", 34.7%: "sử dụng máy móc", 20.3%: "đổi công" và 2.45%: "sự nỗ lực chung của cộng đồng làng xã". Nếu chia theo lứa tuổi, thì 38.1% lứa tuổi từ 20-23 và 55.3% người tầm 60 tuổi trả lời "sử dụng máy móc", chiếm tỉ lệ cao nhất đối với câu trả lời này, 39.4% lớp người lứa tuổi 30, 45.0% lớp người lứa tuổi 40, 50.4% lớp người lứa tuổi 50 trả lời "thuê nhân công", chiếm tỉ lệ cao nhất đối với câu trả lời này. Nếu xét theo trình độ học vấn thì 73.5% người không đi học trả lời "thuê nhân công", chiếm tỉ lệ cao nhất. Trong số những người trả lời "sử dụng máy móc" có 46.1% người trình độ tiểu học, 39,6% trình độ phổ thông cơ sở, 44.6% trình độ phổ thông trung học, 56.5% trình độ đại học. Theo quy mô sở hữu ruộng đất thì 42.9% người nghèo và 50.6% tiểu nông trả lời "thuê nhân công", chiếm tỉ lệ cao nhất, 43.3% trung nông, 39.4% phú nông đã trả lời "sử dụng máy móc", chiếm tỉ lệ cao nhất cho câu trả lời này.

Hiện tượng thiếu lao động ở nông thôn căn bản bắt nguồn từ chính sách công nghiệp hóa chú trọng đô thị những năm 60. Kết quả là thanh niên nông thôn di chuyển tới đô thị với số lượng lớn, lớp người có tuổi ở lại nông thôn nhiều hơn thanh niên đã làm nảy sinh vấn đề vô cùng nan giải là cung cấp lao động nông nghiệp. Về nguyên nhân của tình trạng thiếu lao động, 61.3% người trả lời "do thiếu lực lượng lao động trẻ", 16.3% trả lời "do thiếu cơ giới hóa", 10.7% trả lời "do việc sử dụng lao động còn tập trung theo mùa vụ" và 7.3% trả lời rằng "do vấn đề hợp tác nông nghiệp". Có thể nói rằng thiếu lao động là do lực lượng lao động ở nông thôn Hàn Quốc "vắng bóng lớp trẻ".

Nguyên nhân của tình trạng thiếu lao động là do chính sách quá chú trọng phát triển đô thị, dẫn tới tình trạng di chuyển của thanh niên nông thôn. Hơn thế, điều quan trọng là sự "dời bỏ" này cho thấy có tính lựa chọn nếu quan sát trên bình diện lứa tuổi và trình độ giáo dục. Đặc biệt, do khuynh hướng di chuyển tập trung vào lứa tuổi từ 15 tới 29, nông thôn Hàn Quốc thiếu trầm trọng thế hệ trẻ và có sức lực để kế tục nghề nông. Những biến đổi dân số nông nghiệp - nông thôn trên đây biểu hiện bằng hiện tượng lão hóa lực lượng lao động, điều này sẽ còn tiếp diễn và trầm trọng hơn.<sup>3</sup>

Để giải quyết những vấn đề này, chính phủ Hàn Quốc đã thực hiện chính sách "đào tạo lớp người kế tục nghề nông", "cơ giới hóa", "xây dựng các tổ chức hợp tác nông nghiệp", "xây dựng các hội cơ giới hóa nông nghiệp"...

## **2. Xây dựng gia đình của thanh niên**

Ngày nay, xây dựng gia đình của thanh niên nông thôn đã trở thành vấn đề xã hội nổi cộm. Nguyên nhân căn bản là từ sau năm 1970, do quá trình phát triển công nghiệp với tốc độ cao, để tiếp tục tăng trưởng công nghiệp, lao động ở nông thôn đã bị biến thành nguồn cung cấp nhân lực chủ yếu và rẻ mạt. Những người này đã rời tới thành phố với số lượng lớn. Hiện tượng di dân tiếp tục tăng, một mặt, do sự tăng trưởng kinh tế kéo theo nhu cầu tăng cường sử dụng lao động rẻ mạt. Mặt khác, do sự phát triển không tương ứng giữa đô thị và nông thôn, vốn là kết quả của xu hướng công nghiệp hóa thiên lệch. Do đó, sự di chuyển dân số có tính lựa chọn mà tập trung vào tầng lớp thanh niên. Kết cục, việc tăng cường và đào tạo lao động nông nghiệp, những người sẽ nắm vai trò chủ đạo trong sự nghiệp

<sup>3</sup> HONG DONG SHIK: *Đô thị hóa và vấn đề chậm phát triển ở nông thôn Hàn Quốc* trong cuốn *Xã hội hiện đại*, 7(3), 1987. Trang 456.

phát triển nông nghiệp và nông thôn trở thành vấn đề rất quan trọng. Đặc biệt, sự di chuyển dân số không cân xứng về mặt giới tính và những vấn đề nội tại của xã hội nông thôn làm xuất hiện phong trào xem thường nghề nông, quan niệm không đúng đắn về nghề nông. Điều đó đã làm nảy sinh vấn đề kết hôn của thanh niên ở lứa tuổi lập gia đình ở nông thôn Hàn Quốc<sup>4</sup>.

Nguyên nhân của tình trạng này do số nữ thanh niên nông thôn ít hơn số nam thanh niên. Tất nhiên còn phải kể tới nguyên nhân đầu tiên là do chính sách thiên lệch về phát triển đô thị và công nghiệp được tiến hành từ bấy lâu nay. Trong quá trình phát triển công nghiệp, cho tới nay, số người chưa có gia đình rời quê hương phụ nữ vẫn nhiều hơn nam giới.

Biểu 2 dưới đây sẽ cho thấy rất rõ tình hình cơ cấu dân số theo khu vực và theo giới tính.

**Biểu 2: Cơ cấu dân số theo khu vực và theo giới tính**

	Lứa tuổi 20-29 ở thành phố, đô thị	Lứa tuổi từ 20-29 ở đơn vị hành chính từ huyện trở xuống	Lứa tuổi từ 20-29 ở đơn vị hành chính từ huyện trở xuống	Từ 30-39 tuổi ở đơn vị huyện trở xuống
	Chưa lập gia đình	20-24	25-29	Chưa lập gia đình
Nam	2.005.002(58,3)	511.624(71,1)	179.939(82,8)	27.420(87,4)
Nữ	1.469.931(41,7)	178.634(25,9)	37.343(17,2)	5.070(15,6)
Tổng cộng	3.524.933(100,0)	690.258(100,0)	217.282(100,0)	32.490(100,0)

Tư liệu: Viện Kế hoạch Kinh tế. *Kết quả điều tra dân số và nhà ở năm 1985*. 1988.

Biểu 2 cho thấy, ở thành phố và thủ đô, tỉ lệ so sánh nam nữ thanh niên tuổi từ 20-29 chưa lập gia đình là 58.3% và 41.7%, nam nhiều hơn nữ. Sự chênh lệch này xuất hiện và đã trở thành vấn đề nổi cộm ở nông thôn. Từ đơn vị huyện trở xuống, tỉ lệ chênh lệch giữa nam và nữ chưa có gia đình ở tuổi từ 20-24 là 74.1% và 25.9%, từ 30-34 tuổi là 84.4% và 15,6%, nam giới chiếm tỉ lệ áp đảo. Ngoài ra, sự chênh lệch giữa nông thôn và đô thị trong lĩnh vực kinh tế và phi kinh tế, môi trường sinh hoạt vất vả, địa vị xã hội thấp, mặt trái của truyền thông ngôn luận chính là nguyên nhân cơ bản của tình trạng lập gia đình của nam thanh niên nông thôn Hàn Quốc. Ngoài ra, tương lai không rõ ràng, cơ hội gặp gỡ nam - nữ không nhiều, phụ nữ ngại công việc đồng áng, so với thành phố sinh hoạt ở nông thôn khó khăn và vất vả, đồng thời giáo dục thanh niên, cách nghĩ, sức hấp dẫn của cuộc sống nông thôn, gánh nặng đối với giá trị văn hóa truyền thống cũng là những yếu tố tác động tới vấn đề lập gia đình của thanh niên nông thôn<sup>5</sup>.

Vấn đề lập gia đình của thanh niên nông thôn không chỉ là vấn đề của riêng nông thôn mà còn là vấn đề của xã hội. Để giải quyết vấn đề này nhà nghiên cứu Lee Yung-Dae đã đưa ra một số giải pháp như sau: cần phải đề ra phương án giảm lao động gia đình và lao động nông nghiệp của phụ nữ, cải thiện môi trường xã hội để tạo điều kiện cho nam nữ thanh niên có thể lập gia đình với nhau, tăng cường giao lưu gặp gỡ giữa thanh niên nông thôn, trợ cấp đặc biệt cho nữ thanh niên lấy chồng ở quê hương (Ví dụ: Trợ cấp vốn định cư)<sup>6</sup>.

Nhà nghiên cứu Hong Dong-Shik còn cho rằng cần phải tìm ra một giải pháp giải quyết theo phương hướng giới thiệu môi giới cho nam thanh niên nông thôn và nữ thanh niên ở thành phố, nhưng căn bản vẫn phải tăng cường phúc lợi xã hội ở nông thôn và giảm vất vả cho phụ nữ nông thôn<sup>7</sup>. Choi Chi-Ho thì cho rằng do lập gia đình của thanh niên nông thôn là một vấn đề phức tạp, kết hợp của nhiều yếu tố và đã diễn ra trong một quá trình lâu dài nên

<sup>4</sup> CHOI CHI HO: *Bối cảnh nảy sinh vấn đề kết hôn của thanh niên nông thôn và đô thị*. Tạp chí nghiên cứu của Trường Đại học Seoul. 15(1). 1990. Tr. 60-64.

<sup>5</sup> CHOI CHI HO: Sách đã dẫn. Tr. 66-70.

<sup>6</sup> LEE YUNG DAE: *Phân tích số phụ nữ chưa lập gia đình và thời gian kết hôn của thanh niên tại nông thôn* trong cuốn *Học hội giáo dục nông thôn*. 21(4). 1989. Tr. 56.

<sup>7</sup> HONG DONG-SHIK: *Những hiểu biết về xã hội học Hàn Quốc*. Nhà xuất bản Pyup Mun-sa. 1988. Tr. 158.

khó có thể giải quyết xong một sớm một chiều được<sup>8</sup>. Do đó, để giải quyết vấn đề này cần phải có những chính sách hợp lý, đồng thời phải tính tới các yếu tố xã hội, kinh tế, văn hóa. Cần nỗ lực tập trung giải quyết những vấn đề chung. Mặt khác, trên phạm vi quốc gia cần thông qua chính sách nông nghiệp, giảm mức độ chênh lệch giữa nông thôn và thành thị để giải phóng sức lao động, đồng thời qua việc cải thiện điều kiện sinh hoạt nhằm nâng cao mức sống của người dân. Cùng với những biện pháp có tính lâu dài để giải quyết vấn đề này cần có những cách tiếp cận trên nhiều phương diện như định hướng của các tổ chức hoạt động vì vấn đề hôn nhân của nam nữ thanh niên, giáo dục và giúp đỡ lớp phụ nữ kế cận, tăng cường trao đổi, giáo dục xã hội đối với thanh niên cũng như bậc cha mẹ, đồng thời tăng sức hấp dẫn của thanh niên nông thôn, nâng cao tri thức đối với phụ nữ...

### 3. Ô nhiễm môi trường

Trong 40 năm qua, Hàn Quốc chú trọng phát triển kinh tế, năng suất nông nghiệp tăng. Thành công này đã hỗ trợ rất lớn đối với sự phát triển của các ngành khác. Tuy nhiên, do không nhận thức được mối quan hệ giữa phát triển nông nghiệp và môi trường, chỉ coi trọng phát triển, hậu quả là gây ô nhiễm nặng nề môi trường nông thôn.

Cơ khí hóa nông nghiệp, một mặt mang lại sự tăng trưởng vượt bậc của sản lượng lương thực nhưng mặt khác đã phát sinh nhiều vấn đề làm ảnh hưởng, phá hoại môi trường sinh thái, tiêu biểu là phân bón hóa học, thuốc trừ sâu, nilon phế thải... Ở Hàn Quốc, sau quá trình công nghiệp hóa- hiện đại hóa, tình trạng ô nhiễm không khí, nguồn nước, thổ nhưỡng ngày càng trở nên trầm trọng. Nó cũng ảnh hưởng tới môi trường nông nghiệp - nông thôn tác động xấu tới sản phẩm nông nghiệp và làm giảm sản lượng, cùng với đó là nhiều căn bệnh phát sinh. Mức độ ảnh hưởng tới môi trường của các yếu tố chủ yếu như phân bón hóa học, thuốc trừ sâu, nước thải công nghiệp, nước thải từ chuồng gia súc được thể hiện như sau:

Thứ nhất, dưới góc độ ô nhiễm môi trường, việc sử dụng quá mức phân bón hóa học làm ô nhiễm đất canh tác, phân bón Ni-tơ và Phốt-pho sẽ theo các con kênh làm tăng ô nhiễm nguồn nước. Hơn nữa, phân bón hóa học và chất hóa học trong thuốc trừ sâu lâu ngày sẽ tích tụ trong đất làm ảnh hưởng tới sự sinh trưởng của cây trồng.

Thứ hai, dưới góc độ ô nhiễm môi trường, thuốc trừ sâu cùng với phân bón hóa học đóng vai trò to lớn đối với việc phát triển nông nghiệp là một yếu tố tất yếu đối với nghề nông. Nhưng sử dụng tùy tiện thuốc trừ sâu đã phá hoại môi trường sinh thái, năng suất thấp do thổ nhưỡng bị ô nhiễm, thậm chí còn dẫn đến cả trường hợp ngộ độc thuốc trừ sâu.

Thứ ba, ô nhiễm do nước thải từ các nhà máy công nghiệp không chỉ tác động trực tiếp tới sự sinh trưởng của cây trồng mà còn tác động tới nhiều mặt như chất lượng cây trồng hay sản lượng nông nghiệp.

Đối với trường hợp nước thải, lẽ ra cần phải xử lý kỹ trước khi thải ra ngoài nhưng luôn luôn xảy ra những trường hợp thải tùy tiện, vụng trộm hoặc không xử lý một cách thỏa đáng. Do đó một phần các dòng kênh chính trên toàn quốc và khu vực hạ lưu bị ô nhiễm, đồng thời một phần các con kênh chảy qua khu vực công nghiệp và thành phố bị ô nhiễm trầm trọng, nhiều trường hợp không thể dùng nước để sản xuất nông nghiệp được.

Thứ tư, tìm hiểu thực trạng ô nhiễm do nước ô nhiễm thải ra từ các chuồng gia súc thì thấy rằng mỗi ngày, trên toàn quốc, nước thải và nước bị nhiễm từ các chuồng gia súc lên tới 19,457 triệu tấn. Trong đó nước thải sinh hoạt trung bình là 11, 875 triệu tấn (64,3%), nước thải công nghiệp là 6,497 triệu tấn (35,2%) và nước thải từ các chuồng gia súc là 85 nghìn tấn (0,5%)<sup>9</sup>.

<sup>8</sup> CHOI CHI HO: Sách đã dẫn. 15(1). Tr. 70-73.

<sup>9</sup> *Jung ang nhật báo*. 10-6-1990.

Để giảm ô nhiễm môi trường và nâng cao mức sống nông dân, chính phủ Hàn Quốc đang tiến hành những biện pháp có tính đường lối, chế độ, giáo dục.

#### 4. Nợ của nông dân

Vấn đề nợ trong các gia đình làm nghề nông là một ví dụ tiêu biểu trong các vấn đề xã hội ở nông thôn Hàn Quốc ngày nay. Về tình trạng nợ nông nghiệp, xét theo quy mô nợ, nếu những gia đình không vay nợ chiếm 18,7% năm 1990 thì vào năm 1995 lên tới 20,9%, gia đình vay khoảng 2 nghìn đô giảm từ 23,0% năm 1990 xuống 21,2%, trường hợp vay từ 2 nghìn đô đến 4 nghìn đô giảm từ 19,1% xuống 17,5% và từ 4 nghìn tới 7 nghìn đô cũng giảm từ 15,6% xuống còn 15,5%. Ngược lại, số hộ vay từ 7 nghìn tới 10 nghìn đô tăng từ 8,7% tới 9,0% và từ 10 nghìn đô trở lên tăng từ 14,9% tới 15,9%. Bên cạnh đó, tỉ lệ vay vốn để sản xuất liên tục tăng từ 66,5% năm 1990 lên tới 69,3% năm 1991 và năm 1992 là 72,0%.

Biểu 3 dưới đây cho thấy tỉ lệ so sánh quy mô vay nợ và khu vực vay nợ của nông dân.

**Biểu 3: Quy mô vay nợ và nơi vay nợ**

	Tổng số		Ngân hàng nông nghiệp		Các ngân hàng khác		Cá nhân	
	Tiền	%	Tiền	%	Tiền	%	Tiền	%
1965	11	100	2	18.2	1	9.1	8	72.2
1975	33	100	3	30.2	2	6.0	21	63.7
1985	2.024	100	1.337	66.1	103	5.1	584	28.8
1990	4.734	100	3.857	81.5	221	4.7	656	13.8
1992	5.683	100	4.560	80.2	432	7.6	691	12.2

Biểu 3 cho thấy năm 1965 số tiền nợ trung bình của một hộ nông dân là 11 nghìn won<sup>10</sup>, năm 1975 là 33 nghìn won, năm 1985 lên tới 2, 024 triệu won, năm 1990 là 4,734 triệu won, năm 1992 là 5,683 triệu won. Những con số này nếu so với năm 1965 thì đã tăng lên 516 lần. Bên cạnh đó, tuy có giảm hơn so với những năm trước nhưng quy mô vay nợ của các gia đình làm nông nghiệp vẫn tăng.

Theo Bộ Nông- Lâm - Ngư nghiệp thì một trong những nguyên nhân làm tăng số nợ của các hộ nông dân là các hộ này vay để mua nông cụ, tiết kiệm lao động. Tuy nhiên, khi cơ giới hóa đã thực hiện tới một mức độ nào đó, người nông dân nhận ra mua nông cụ sẽ không phù hợp với cân đối chi tiêu hạn chế mua những máy móc chưa cần thiết thì vấn đề nợ để mua nông cụ sẽ giảm. Theo kết quả điều tra, nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng nợ nần của nông dân là do gánh nặng đối với vốn nông nghiệp, chi phí giáo dục con cái, phí sinh hoạt, chi phí cho những việc hiếu hỷ, chi phí giao thông, nhà cửa và chi phí thuê lao động... Ý kiến khác cho rằng do chính sách sai lầm của chính phủ, lợi nhuận từ nghề nông vốn dĩ thấp, loại cây trồng năng suất thấp, gánh nặng chi phí giáo dục lớn, trình độ của nông dân thấp, sự bóc lột của các doanh nghiệp đô thị và các thương gia, thú tiêu tiền của nông dân...

Nợ của nông dân là vấn đề vô cùng khó khăn đồng thời cần sớm giải quyết ngay. Đây không chỉ là vấn đề của kinh tế nông thôn mà còn có quan hệ mật thiết với nền kinh tế quốc dân. Đồng thời tâm lý tự ti trong xã hội vốn là hậu quả của vấn đề dân số đô thị, lao động, giao thông, ô nhiễm, chênh lệch giữa văn hóa thành thị và nông thôn cũng cần sớm khắc phục. Nợ cho nông dân phải được chính phủ thực hiện và người nông dân xúc tiến. Chính phủ xóa nợ, kéo dài thời gian trả vốn, miễn phí giáo dục cho học sinh có nhà ở nông thôn, thực hiện chính sách giá nông sản cao, cải thiện nguồn thu nhập từ nông nghiệp, cùng với sự nỗ lực của chính người nông dân... Ngoài ra phải giảm lãi suất cho vay, xây dựng trường học tại khu dân cư ở nông thôn.

#### 5. Chi phí giáo dục

<sup>10</sup> Won là đơn vị tiền của Hàn Quốc.

Như đã đề cập ở phần trước, vấn đề chi phí cho giáo dục của nhà nông đã tác động tới việc hình thành nên nợ của các gia đình nông thôn với những con số khá quan trọng. Theo như kết quả điều tra kinh tế gia đình làm nông nghiệp của Bộ Nông - Lâm - Thủy sản thể hiện ở biểu 4 dưới đây, chúng ta có thể biết chi phí cho giáo dục của nông gia đang tăng lên đáng kể. Từ sau năm 1976, chi phí cho giáo dục con cái của các gia đình ở nông thôn còn nhiều hơn so với người lao động ở đô thị.

**Biểu 4: So sánh chi phí giáo dục của gia đình ở nông thôn và đô thị (Đơn vị: nghìn, %)**

	Gia đình nông thôn			Gia đình lao động ở đô thị		
	Chi phí giáo dục (A)	Chi phí giáo dục (B)	B/A (%)	Chi phí giáo dục (C)	Chi phí giáo dục (D)	D/C (%)
1965	100.4	4.4	4,5	105.1	5.6	5,4
1975	616.2	40.6	6,6	700.2	50.8	7,3
1985	4.690.8	568.2	12,1	3.870.6	296.2	7,7
1990	8.227.2	862.4	10,5	7.800.8	562.8	7,2
1992	10.046.0	1.041.3	10,4	10.830.0	896.0	8,3

Tư liệu: "Điều tra gia đình đô thị", Viện Kế hoạch Kinh tế. "Điều tra kinh tế gia đình nông thôn", Bộ Nông - Lâm - Thủy sản. "Chỉ tiêu giáo dục của Hàn Quốc", Viện Phát triển Giáo dục Hàn Quốc".

Nhìn vào biểu 4 trên có thể thấy nửa sau những năm 70, chi phí hàng năm cho giáo dục ở đô thị là bằng hoặc nhiều hơn so với nông thôn, nhưng sang những năm 80, sự chênh lệch bắt đầu tăng một cách rõ rệt.

Xã hội Hàn Quốc được công nghiệp hóa dần từng bước, do có nhiều mặt ưu việt nên ở đô thị, nhiều trường học mới được ưu tiên xây dựng một cách tập trung. Theo đó, chi phí cho con cái theo học ở đô thị của các gia đình nông thôn cũng tăng lên nhiều hơn. Tình trạng giáo dục ở nông thôn càng có khoảng cách xa so với đô thị, chi phí cho giáo dục của các gia đình nông thôn càng ngày càng nhiều hơn. Do đó cần thiết phải có một sự thay đổi về môi trường giáo dục ở nông thôn, đặc biệt là chất lượng giáo dục.

Nguyên nhân dẫn đến việc gia tăng chi phí giáo dục này trước hết là bởi các cơ quan giáo dục, đào tạo có tầm cỡ đều tập trung tại đô thị, đồng thời, chênh lệch về học lực giữa nông thôn và đô thị đã thu hút số người bỏ nông thôn theo học đô thị ngày càng nhiều<sup>11</sup>.

Ngoài ra, tổng hợp các kết quả nghiên cứu về nguyên nhân của việc chi phí nhiều cho giáo dục trong gia đình nông thôn có thể rút ra những nhận xét như sau<sup>12</sup>:

Thứ nhất, khoản chi phí nhiều nhất cho con cái đi học ở đô thị là tiền ăn và ở.

Thứ hai, số con em nông thôn ra học ở đô thị ngày càng đông.

Thứ ba, so với đô thị, trường học các cấp ở nông thôn không được phân bố đồng đều và không đảm bảo về chất lượng.

Thứ tư, con cái trong gia đình nông thôn đông và có những đợt phải chi tiêu một lúc khá nhiều tiền vào việc học hành của chúng khi chúng đến tuổi.

Thứ năm, vẫn còn thiếu những phương án trợ cấp học phí cho con em nông dân.

Để giảm đi những chi phí giáo dục này cho các gia đình nông thôn, đối sách được đặt ra là ưu tiên tăng cường các thiết bị giáo dục và mở rộng những cơ hội học bổng cho con em nông dân. Một mặt do tiền ăn, ở tại đô thị chiếm một khoản lớn trong chi phí giáo dục nên vấn đề đặt ra là phải xây dựng các cơ quan giáo dục, đào tạo có chất lượng tại nông thôn. Vấn đề này phải được tiến hành cấp bách, và có lẽ nó phải được đưa vào chương trình phát triển đồng đều các khu vực.

<sup>11</sup> SONG JEONG NAM: *Làng Yên Sở từ truyền thống đến đổi mới, so sánh những biến đổi nông thôn Hàn Quốc*. Đại học Quốc gia Hà Nội-1996. Tr. 147-148.

<sup>12</sup> LEE MOO KCUN: *Phương án đào tạo hệ trung học ở vùng nông thôn làm nông nghiệp và ngư nghiệp*. 1989. Tr. 9.

Bên cạnh đó, còn có một số phương án hiện đang xúc tiến là tăng cường trang thiết bị tiện lợi cho các học sinh nông thôn, mở rộng trợ cấp học phí cho các gia đình nghèo, tăng cường việc cho vay học bổng không lấy lãi, mở các trường đại học chính quy ở khu vực nông thôn...

### 6. Sức khỏe của nông dân

Vấn đề sức khỏe của những người sống ở nông thôn và đặc biệt của nông dân là một trong những vấn đề khá quan trọng. Ở nông thôn không có khói nhiên liệu, chất thải, không khí ô nhiễm và không phức tạp như ở đô thị, có thể nói đây là một môi trường trong sạch và lành mạnh. Tuy nhiên, do tình trạng lao động quá sức, thiếu dinh dưỡng, môi trường sinh hoạt không vệ sinh, v.v... nên tình hình sức khỏe của những người sống ở đây lại không ổn định<sup>13</sup>.

Ở nông thôn, thường thấy xuất hiện một số bệnh ở những người làm nông nghiệp như đau nhức vai, hô hấp, khó thở, đau lưng, đau khớp, tê mỏi chân tay, thiếu máu,... Mặt khác, một số nguyên nhân có hại cho sức khỏe của nông dân phải kể đến là tai nạn kỹ thuật, ngộ độc thuốc trừ sâu,... trong quá trình canh tác, làm nông nghiệp. Đặc biệt, thuốc hóa học là một vấn đề khá nghiêm trọng. Các tư liệu về thực trạng trúng độc do thuốc cho thấy hàng năm có khoảng 1300 người tự sát hay chết vì trúng độc, song việc sử dụng thuốc trừ sâu vẫn đang có xu thế tiếp tục gia tăng<sup>14</sup>.

Vấn đề sức khỏe của người nông dân Hàn Quốc, có thể nói là do bởi nhiều yếu tố như thu nhập gia đình, thiếu cơ quan và nhân lực y tế, thiếu các tiện nghi sinh hoạt và các thiết bị giao thông.

**Biểu 5: So sánh phân bố cơ quan y tế và nhân lực y tế giữa nông thôn và thành thị**

<i>Phân loại</i>	<i>Toàn quốc</i>	<i>Thành thị</i>	<i>Nông thôn</i>
Số cơ quan y tế (cái)	22.022	22.457	2.565
Số giường bệnh (chiếc)	151.877	130.444	3.443
Số nhân viên	158.347	145.406	12.941

Tư liệu: Thống kê của cơ quan bảo vệ sức khỏe xã hội, số 39, 1993.

Biểu 5 cho thấy các thiết bị y tế chủ yếu tập trung ở đô thị. Các bệnh viện đa khoa lớn, nhỏ, hơn 80% đội ngũ bác sĩ là ở đô thị, xu hướng tập trung về đô thị này có thể thấy rõ nhất là yếu tố nhân lực y tế. Hơn nữa, theo khuynh hướng lão hóa trong dân số nông thôn, các nhu cầu về y tế càng tăng lên, làm cho sự chênh lệch tiêu chuẩn y tế giữa các khu vực càng nặng nề hơn.

Từ tháng 1 năm 1988, tuy bảo hiểm y tế cho ngành nông nghiệp và ngư nghiệp đã được thực hiện nhưng vào thời gian đầu, số tiền bảo hiểm quá lớn so với khả năng của người nông dân, tỉ lệ chênh lệch trong việc hỗ trợ của nhà nước giữa nông thôn và đô thị, hệ thống chữa trị khác với bảo hiểm y tế của công nhân viên chức, đồng thời các thiết bị y tế phần lớn vẫn tập trung ở các vùng đô thị nên khó có thể cung ứng, phục vụ đầy đủ tận nơi về lượng cũng như về chất, v.v... Một loạt các vấn đề nảy sinh đòi hỏi phải giải quyết kịp thời.

Nguyên nhân gây ra sự suy nhược về sức khỏe của người nông dân Hàn Quốc chủ yếu có thể thấy là do làm việc quá sức, khi mắc bệnh không được chữa trị kịp thời, uống nhiều rượu, thiếu dinh dưỡng, trúng độc thuốc trừ sâu, thiếu bồi dưỡng nghỉ ngơi hợp lý sau khi sinh nở.

Các phương án đang được đưa ra để giải quyết vấn đề sức khỏe của nông dân là bảo hiểm y tế một cách hợp lý và thực tế đối với nông dân, hỗ trợ chung cho các gia đình khó khăn. Chế độ bồi thường hàng năm đối với các tai nạn lao động, ... đưa vấn đề sức khỏe của nông dân vào hoạt

<sup>13</sup> JEONG JI UNG: *Bàn về phát triển xã hội khu vực nông thôn*. Nhà xuất bản Đại học Phát thanh Truyền hình Hàn Quốc- 1984. Tr. 230-231.

<sup>14</sup> VIỆN NGHIÊN CỨU KINH TẾ NÔNG THÔN HÀN QUỐC: *Báo cáo nghiên cứu bảo hiểm thiệt hại nông nghiệp và đối sách về tai nạn nông nghiệp*. 1989. Tr. 189.



động phúc lợi xã hội. Một mặt, tìm cách giảm bớt cho nông dân những công việc quá nặng nhọc, thực hiện khám bệnh định kỳ, tiến hành giáo dục về vấn đề vệ sinh, môi trường, cách sử dụng máy móc nông nghiệp, thuốc trừ sâu, tăng cường giúp đỡ, bảo vệ sức khỏe bà mẹ trẻ em, khuyến khích tài trợ cho thể dục thể thao vì sức khỏe tinh thần của người nông dân.

### 7. Vấn đề phụ nữ

Phụ nữ làm kinh tế nông nghiệp: đa số các phụ nữ đã kết hôn đều phải đảm đương hai vị trí, một là người nông dân và một là người nội trợ trong gia đình. Tức là sản xuất và tái sản xuất, vừa lao động sản xuất nông nghiệp đồng thời vừa phải gánh vác các công việc tái sản xuất sức lao động như nội trợ, giáo dục con cái. Mức độ tham gia sản xuất nông nghiệp của phụ nữ nông thôn được xác định bằng tỉ lệ thời gian bỏ ra làm nông nghiệp của người phụ nữ so với toàn bộ số thời gian lao động của một gia đình làm nông dân. Năm 1965, trong toàn bộ số thời gian lao động của một gia đình làm nông nghiệp, lao động nữ chiếm 27,5%; năm 1975 là 33,3%; năm 1985 tăng lên 42,8%. Theo điều tra của Viện phát triển phụ nữ nông thôn năm 1986, thời gian làm nông nghiệp của phụ nữ đã có gia đình vào những thời điểm bận rộn của nhà nông là 11 tiếng 28 phút 1 ngày, gần bằng thời gian lao động của chồng là 11 tiếng 55 phút. Thời kỳ nông nhàn, số thời gian lao động nông nghiệp của người phụ nữ là 2 tiếng 27 phút. Như vậy có thể thấy lao động mà người phụ nữ nông thôn gánh vác không phải là ít, hầu như đảm nhận một nửa công việc đồng áng trong gia đình.

Ở nông thôn, việc giáo dục trẻ con ở các vườn trẻ không đủ chất lượng, thiếu các thiết bị giáo dục nuôi dạy trẻ, không giúp đỡ được gì cho công việc nội trợ của người phụ nữ. Đặc biệt, cùng với xu thế lão hóa, vấn đề tăng tỉ lệ lao động của phụ nữ sau độ tuổi trung niên, khuynh hướng phụ nữ hóa lao động là một điều đáng phải lưu ý. Càng vào lứa tuổi trung niên, gánh nặng công việc nông nghiệp càng đổ lên đầu người phụ nữ. Ở một vài khu vực, có khi người chồng, tức người chủ gia đình ra ngoài làm ăn bằng các nghề khác thì toàn bộ công việc nông nghiệp của gia đình do người phụ nữ đảm nhiệm. Ngoài ra, người phụ nữ nông thôn còn gặp nhiều khó khăn bởi tình trạng thiếu thốn nhiều về các phúc lợi y tế trước sau và trong khi sinh đẻ. Chính những khó khăn như vậy trong cuộc sống đã thúc đẩy việc rời bỏ nông thôn của phụ nữ ở độ tuổi thanh niên, sau 10 tuổi và 20 tuổi<sup>15</sup>.

Năm 1960, chính phủ tiến hành công nghiệp hóa với mục tiêu đẩy mạnh xuất khẩu, trên cơ sở ở chính sách giá nông sản thấp và tiền công lao động thấp, quá trình tích lũy vốn được hình thành nhanh chóng đã thúc đẩy việc nông dân rời bỏ nghề nông mà đỉnh điểm là năm 1967, với yêu cầu cấp bách đòi hỏi nhiều sức lao động trẻ. Ngoài ra, do chính sách nông nghiệp lấy trồng lúa nước làm trọng điểm của chính phủ đem lại kết quả là các hiện tượng lão hóa và phụ nữ hóa lao động càng rõ rệt<sup>16</sup>.

Phụ nữ nông thôn Hàn Quốc hôm nay, rất tích cực tham gia vào sản xuất nông nghiệp song cũng chính ở đây cũng cho chúng ta thấy nhiều vấn đề phức tạp. Có thể nói đó là "những vấn đề của phụ nữ nông dân", bởi về mặt giai cấp, họ là nông dân, về mặt giới tính là phụ nữ. Vấn đề không bình đẳng về giới tính vẫn đang là vấn đề nổi bật trong xã hội nông thôn Hàn Quốc, sức lao động của người phụ nữ bị đánh giá thấp, gây ra những biến động lớn trong xã hội nông thôn Hàn Quốc. Mặt khác, người phụ nữ thiếu các nguồn trợ giúp xã hội để xử lý các công việc nội trợ trong gia đình, thiếu các thiết bị giáo dục con cái, nghèo nàn về bảo hiểm y tế... Các vấn đề phân biệt đối xử trong xã hội nông thôn đang gây ra những áp lực nặng nề đối với người phụ nữ.

Giải pháp cho việc giải quyết vấn đề phụ nữ ở nông thôn gồm có việc cải thiện hoàn cảnh sống, tăng cường trang bị cho các vườn trẻ, phát triển văn hóa giải trí cho phụ nữ, thực hiện giáo

<sup>15</sup> HONG DONG-SIK: *Giáo dục xã hội và sự phát triển không cân đối giữa đô thị và nông thôn* trong cuốn *Nghiên cứu giáo dục xã hội Hàn Quốc*. Tập 14. Tr. 58.

<sup>16</sup> MIN KYUNG HEE: *Tìm hiểu về phụ nữ hóa của sức lao động nông thôn* trong cuốn *Vấn đề nghèo khó của nông thôn Hàn Quốc*. 1991. Tr. 2.

dục xã hội, trao đổi những quan niệm về phụ nữ, để người phụ nữ là chủ thể, tham gia vào hoạt động xã hội, tiến hành khám sức khỏe định kỳ và giáo dục bảo vệ sức khỏe cho phụ nữ. Bên cạnh đó, còn phải phát triển máy móc nông nghiệp thích hợp với phụ nữ, giảm thời gian lao động, giải quyết vấn đề giáo dục con cái, giải quyết vấn đề giao thông, tăng thu nhập, v.v...

### III. Kết luận

Bài viết này đề cập đến hai vấn đề chính là quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Hàn Quốc đã có ảnh hưởng gì tới nông thôn, và chính phủ đã thi hành những đối sách gì để giải quyết những vấn đề đó.

Công nghiệp hóa và hiện đại hóa là hiện tượng vốn có và tất yếu ở mọi quốc gia. Hàn Quốc tuy là một nước nghèo nàn, thiếu thốn về tài nguyên thiên nhiên, lại phải trải qua thời kỳ hỗn loạn do chiến tranh gây ra nhưng chỉ trong một thời gian ngắn đã hoàn thành công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Tuy nhiên có thể nói rằng hệ quả để lại của quá trình hiện đại hóa là rất lớn. Hiện đại hóa và công nghiệp hóa đã đưa lại một hiệu quả kinh tế, tạo thời đại thu nhập cá nhân 10 nghìn USD như ngày hôm nay. Tuy nhiên, ở mặt trái của nó, công nghiệp hóa đã làm nảy sinh nhiều vấn đề xã hội. Điều này cũng như những vết thương sau cuộc chiến tranh mà người tham chiến, dẫu là kẻ chiến thắng vẫn phải gánh chịu. Công nghiệp hóa Hàn Quốc đã tạo ra một nền văn hóa mới ở nông thôn với các vấn đề khá nan giải đó là: vấn đề sức lao động, kết hôn của thanh niên, ô nhiễm môi trường, vay nợ, chi phí giáo dục và vấn đề phụ nữ. Đó cũng là những vấn đề buộc phải giải quyết ngay trước mắt để đảm bảo chất lượng cho cuộc sống của người nông dân.

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc thiếu sức lao động ở nông thôn là bắt nguồn từ chính sách thiên lệch về đô thị, dẫn đến việc thu hút lớp trẻ ở nông thôn di chuyển đến đô thị. Việc từ bỏ nghề nông của thanh niên đã gây ra hiện tượng lão hóa ở nông thôn hiện nay, mất đi lực lượng kế thừa nghề nông.

Đối sách với những vấn đề này hiện đang được chính phủ Hàn Quốc xúc tiến là đào tạo nhân lực kế thừa nghề nông, cơ giới hóa, kinh doanh nông nghiệp ủy thác.

Hiện tượng rời bỏ nông thôn của phụ nữ trẻ có tỉ lệ cao hơn so với tầng lớp thanh niên nói chung, dẫn đến tình trạng khó khăn trong kết hôn của nam nữ thanh niên ở nông thôn. Để giải quyết vấn đề này, chính phủ đã cho thi hành các chính sách giảm khó khăn vất vả trong lao động của phụ nữ nông thôn, phúc lợi nông thôn, làm mối cho nam thanh niên nông thôn với các nữ thanh niên ở đô thị. Tuy nhiên tới nay vẫn chưa đạt được những kết quả như mong đợi. Đó là do cuộc sống ở nông thôn về chất lượng giao thông, văn hóa vẫn còn thua kém nhiều so với ở đô thị, dẫn đến việc các nữ thanh niên đô thị thường xa lánh cuộc sống ở nông thôn. Thậm chí, để giải quyết vấn đề này các đoàn thể xã hội còn tìm cách làm mối các thanh niên ở nông thôn với các nữ thanh niên người Trung Quốc gốc Hàn Quốc<sup>17</sup>, nhưng do có nhiều điểm khác nhau về văn hóa nên cũng không đạt được kết quả khả quan. Một vấn đề khá nghiêm trọng là vấn đề ô nhiễm môi trường do công nghiệp hóa gây ra. Nguyên nhân là do chưa kết hợp được mối quan hệ giữa việc bảo vệ môi trường và công nghiệp hóa, chỉ tập trung, thiên lệch phát triển một chiều. Nguyên nhân chính dẫn việc ô nhiễm môi trường ở nông thôn là do phân bón hóa học, thuốc trừ sâu, nilon phế thải, nước thải của các chuồng chăn nuôi gia súc.

Để giải quyết và đề phòng tình trạng ô nhiễm môi trường vốn không còn là vấn đề địa phương mà đã là vấn đề cấp quốc gia, chính phủ đang thực hiện các chính sách có tính định hướng, chế độ, và có tính giáo dục. Tuy nhiên, quan trọng hơn cả những biện pháp giải quyết và đề phòng này vẫn là ý thức của mỗi người dân về môi trường.

Vấn đề nợ của nông dân cũng là một trong những vấn đề đáng chú ý.

Sau những năm 80, vấn đề nợ của nông dân tăng lên nhiều do việc thiếu sức lao động và mua máy móc nông nghiệp để giảm sức lao động.

Bên cạnh đó là các nguyên nhân như chi phí giáo dục con cái, chi phí giao thông, nhà cửa và thuê lao động... Có ý kiến khác cho rằng đó là do chính sách sai lầm của chính phủ, lợi nhuận từ nghề

<sup>17</sup> Những người Hàn Quốc di cư tới Trung Quốc trong thời kỳ bị Nhật Bản chiếm đóng. Người Hàn Quốc gọi là "Tộc Triều Tiên", hiện nay họ đã có tới thế hệ thứ 3-4.

nông vốn dĩ thấp, loại cây trồng năng suất thấp, gánh nặng chi phí giáo dục lớn, trình độ của nông dân thấp, sự bóc lột của các doanh nghiệp đô thị và các thương gia, thú tiêu tiền của nông dân, v.v...

Đây không chỉ là vấn đề của kinh tế nông thôn mà còn có quan hệ mật thiết với nền kinh tế quốc dân. Đồng thời nó gây ra một loạt các vấn đề như di chuyển khỏi nông thôn, tập trung ở đô thị, lao động, giao thông, ô nhiễm, chênh lệch giữa văn hóa thành thị và nông thôn... Để giải quyết vấn đề nợ của nông dân, chính phủ đã đưa ra và sử dụng một loạt các phương án như giúp xóa nợ, kéo dài thời gian trả vốn, miễn phí giáo dục cho con em xuất thân từ nông thôn, thực hiện chính sách hợp lý hóa nông sản, cải thiện nguồn thu nhập từ nông nghiệp... bên cạnh những nỗ lực của bản thân người nông dân.

Vấn đề chi phí giáo dục của gia đình nông thôn Hàn Quốc cũng là một vấn đề nảy sinh ra từ quá trình công nghiệp hóa. Bởi khi công nghiệp hóa được thực hiện, các trường học được xây lên ở đô thị với chất lượng cao hơn so với ở nông thôn, thu hút các con em nông thôn rời đến học ở đô thị, đã làm tăng lên những khoản chi phí giao thông, tiền ăn, tiền ở, v.v... Để giải quyết vấn đề này, phương án đang được tiến hành là mở rộng học bổng cho con em nông dân, tăng cường thiết bị giáo dục ở nông thôn. Đồng thời cũng tăng thêm các thiết bị tiện nghi cho con em nông thôn đi học ở ngoài, cấp học phí cho gia đình khó khăn, cho vay học phí không lấy lãi, thiết lập đại học chính quy ở các vùng nông thôn.

So với sự phức tạp, ô nhiễm về không khí, khói nhiên liệu,... ở đô thị, cuộc sống ở nông thôn có vẻ sạch sẽ và tốt cho sức khỏe hơn, song do các tình trạng lao động quá sức, thiếu dinh dưỡng, sinh hoạt mất vệ sinh đã đem lại thực trạng sức khỏe của người dân ở đây là không ổn định.

Vấn đề sức khỏe như trên chủ yếu do các nguyên nhân như việc thu nhập của nhà nông, tình trạng thiếu cán bộ y tế và cơ quan y tế so với đô thị, hoàn cảnh sống, điều kiện giao thông thiếu thốn. Ngoài ra còn do một số nguyên nhân khác là lao động quá sức, khi mắc bệnh không được chữa trị kịp thời, uống nhiều rượu, thiếu dinh dưỡng, trúng độc thuốc trừ sâu, chế độ điều dưỡng không thích hợp sau khi sinh đẻ. Phương án đang được đề ra và tiến hành giải quyết cho vấn đề này là bảo hiểm y tế cho nông dân, hỗ trợ chung cho gia đình nghèo, chế độ bồi thường hàng năm cho các tai nạn do làm nông nghiệp. Mặt khác giảm bớt các công việc nặng nhọc cho nông dân, khám bệnh định kỳ, tạo ra môi trường sinh hoạt vệ sinh, giáo dục an toàn về sử dụng thuốc trừ sâu và máy móc nông nghiệp, bảo vệ sức khỏe bà mẹ trẻ em, phát động thể dục thể thao ở nông thôn.

Đa số các phụ nữ làm nông nghiệp đã kết hôn đều phải đảm đương hai vị trí một là người nông dân và hai là người nội trợ của gia đình. Tức phải đảm đương vừa lao động sản xuất nông nghiệp, vừa nội trợ, giáo dục con cái. Theo thống kê, một nửa các công việc nông nghiệp là do phụ nữ nông thôn đảm đương, giáo dục con cái cũng là một trong những nhiệm vụ mà người phụ nữ phải gánh vác. Các trang thiết bị ở vườn trẻ thiếu thốn, việc nông thì ngày một tăng không có chế độ nghỉ ngơi an dưỡng thích hợp khi sinh, v.v... Điều đó đã gây nên vấn đề phụ nữ ở độ sau 10 tuổi và 20 tuổi di chuyển khỏi nông thôn.

Giải pháp cho việc giải quyết vấn đề phụ nữ này ở nông thôn gồm cải thiện môi trường sống, tăng cường các thiết bị vườn trẻ, phát triển văn hóa giải trí cho phái nữ, thực hiện giáo dục xã hội thay đổi những quan niệm về người phụ nữ, giúp cho người phụ nữ có thể tham gia vào các công việc xã hội, tiến hành khám sức khỏe định kỳ cho phụ nữ, ngoài ra phát triển các máy móc nông nghiệp thích hợp với phụ nữ, giảm thời gian lao động,... Tuy nhiên, so sánh với đô thị, các mặt sinh hoạt và giáo dục của nông thôn vẫn còn yếu kém, dẫn đến tỉ lệ phụ nữ rời khỏi nông thôn vẫn còn cao.

Tới nay, tuy chính phủ Hàn Quốc vẫn đang cố gắng tìm kiếm và thi hành những đối sách để giải quyết và cải thiện các vấn đề văn hóa mới phát sinh do quá trình công nghiệp hóa gây ra, song nông thôn Hàn Quốc trong tương lai vẫn chưa thấy có gì khả quan hơn. Đó là do các vấn đề nông thôn Hàn Quốc đang ngày càng rơi vào tình trạng khó khăn, nặng nề hơn khi các phương án giải quyết cho nó đang bị đẩy vào sự phát triển về lượng của kinh tế. Cũng là vì các phương sách được đề ra quá

muộn và vẫn còn thiếu ý thức cải thiện. Quan điểm văn hóa sai lệch này trong nhân dân, cũng không ngoại lệ trường hợp không nhất trí về hệ ý thức giữa thế hệ mới và thế hệ cũ đối với việc giải quyết vấn đề. Chính vì vậy mà tương lai của nông thôn Hàn Quốc ngày hôm nay không sáng sủa, trái với kỷ nguyên kinh tế mà thu nhập bình quân đầu người là 10 nghìn đô la.